TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **231**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14-3-2019
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Bà Bành Kim Phượng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lương
2. Ông Nguyễn Minh Tuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Trúc Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2019 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 613/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Hồng D**, sinh năm 1985 *(Có mặt),* cư trú tại Đường A, Phường B, quận C, TP. Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Ông **Lê Quang V**, sinh năm 1986 *(Có mặt),* cư trú tại Đường A, Phường B, quận C, TP. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Võ Thị Hồng D trình bày: Bà và ông Lê Quang V tự nguyện tìm hiểu, chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 72/2011, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã E, huyện F, tỉnh G cấp ngày 20/9/2011.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường cãi vả. Ông V thường xuyên uống rượu bia, khi say xỉn về nhà lại kiếm chuyện gây gỗ, có vài lần đánh vợ. Sau khi tỉnh lại, ông V đã nhiều lần hứa từ bỏ nhưng vẫn tiếp tục tái diễn dù bà đã nhiều lần cho ông V cơ hội sửa chữa. Cả hai đã sống ly thân 02 năm nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Quang V.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Lê Võ Thiện T – sinh ngày 14/02/2012 và Lê Vũ Anh T – sinh ngày 08/6/2014. Ly hôn, bà yêu cầu được trực

tiếp nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu ông V cấp dưỡng. vì các cháu hiện đang ở với bà và do bà trực tiếp chăm sóc, lo chi phí sinh hoạt ăn học trong khi ông V không có công việc ổn định lại thường xuyên đi làm xa nhà.

Về tài sản chung: Bà D khai không có.

Về nợ chung: Bà D khai không có.

Tại các bản tự khai và các biên bản làm việc, bị đơn ông Lê Quang V trình bày: Ông thừa nhận lời trình bày của bà D về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, quá trình chung sống. Ông thừa nhận có nhiều lúc buồn bực, ông có uống quá chén với bạn bè, không làm chủ được bản thân nên về nhà kiếm chuyện gây gỗ với vợ. Tuy nhiên khi tỉnh rượu ông đã nhận thức được cái sai của mình, xin lỗi vợ và hứa sửa chữa. Theo ông cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không đến mức trầm trọng, chủ yếu là do bà D gặp áp lực trong cuộc sống từ việc nuôi dạy con cái cho đến vấn đề kinh tế trong khi ông thường đi làm xa, ít chia sẻ được với bà. Ông vẫn còn rất yêu thương vợ con, không muốn các con sống cảnh gia đình ly tán nên ông không đồng ý ly hôn với bà D, mong Tòa án tạo điều kiện hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Ông xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên là Lê Võ Thiện T – sinh ngày 14/02/2012 và Lê Vũ Anh T – sinh ngày 08/6/2014. Do ông không đồng ý ly hôn nên ông không có ý kiến về yêu cầu của bà D.

Về tài sản chung: Ông V khai không có.

Về nợ chung: Ông V khai không có.

Tại phiên tòa,

Bà D cương quyết xin ly hôn vì không còn tình cảm, giữa vợ chồng không thể quay lại, ông V không thay đổi được thói quen nhậu nhẹt và trong quá trình nộp đơn ly hôn đến nay ông V không có biện pháp gì để hoà giải mà còn gây khó khăn cho bà, xúc phạm bà và người nhà bà. Về con chung thì bà D vẫn yêu cầu nuôi 2 con chung vì bà trực tiếp chăm sóc con, có sự hỗ trợ thêm của mẹ ruột bà, trong khi ông V hay đi làm xa không có thời gian ổn định chăm sóc con. Bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mà để cho ông V tự nguyện thực hiện cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Ông V giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn. Ông thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là có lỗi của ông trong việc nhậu nhẹt về không kiểm soát được gây gỗ với vợ. Bên cạnh do bà D áp lực công việc khi ông thường đi theo công trình xa nhà nên không chia sẻ được. Ông có sửa đổi, bớt nhậu nhẹt nhưng không biết bà D có ghi nhận việc ông đã sửa đổi không, vợ chồng vẫn ly thân chưa có cơ hội đoàn tụ. Trường hợp ly hôn ông yêu cầu nuôi bé Anh T, bà D nuôi bé Thiện T1, không bên nào cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung không có.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên Tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: không có.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận tất cả yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp: Bà D có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông V, bà D ông V cư ngụ tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Toà án nhân dân quận Tân Bình thụ lý giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật về thẩm quyền.

Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 72/2011, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã E, huyện F, tỉnh G cấp ngày 20/9/2011 thì hôn nhân giữa bà D và ông V là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của đương sự:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà D có yêu cầu ly hôn với ông V do tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã ly thân gần 2 năm nay, giữa hai bên không thể quay về chung sống với nhau được nữa. Tại phiên toà, bà D cương quyết ly hôn vì tình cảm không còn, bà không muốn tạo thêm bất cứ cơ hội hàn gắn nào vì theo bà ông V không thay đổi được. Ông V không đồng ý ly hôn vì muốn giữ một gia đình trọn vẹn cho con. Qua trình bày của hai bên đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống vợ chồng giữa bà D và ông V đã có mâu thuẫn tồn tại, hai bên có lối sống không phù hợp, bất đồng quan điểm hay xảy ra tranh cãi dẫn đến tình cảm không còn. Ông V không đồng ý ly hôn, nhưng từ khi ly thân cũng như trong quá trình giải quyết vụ án ông V không có biện pháp gì để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ. Trong khi bà D không đồng ý tạo thêm cơ hội, cương quyết ly hôn. Do hạnh phúc gia đình phải được xây dựng trên nền tảng của sự thương yêu, quý trọng, tin tưởng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, nhưng giữa bà D ông V không chung sống hạnh phúc, bà D cương quyết xin ly hôn, tỏ ra thờ ơ với ông V thì việc duy trì, kéo dài hôn nhân không có ý nghĩa, mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D.

[2] Về con chung: Bà D và ông V có 02 con chung tên Lê Võ Thiện T – sinh ngày 14/02/2012 và Lê Vũ Anh T – sinh ngày 08/6/2014. Bà D yêu cầu nuôi 2 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Ông V yêu cầu được nuôi trẻ Anh T, giao trẻ Thiện T1 cho bà D nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét, 02 con chung đang được bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; bản thân ông V cũng không muốn tách rời 2 con; trẻ Triều cũng có nguyện vọng được ở với mẹ trong khi ông V thường đi làm xa, đi theo công trình nên điều kiện trực

tiếp chăm sóc con hạn chế hơn bà D. Do đó, để đảm bảo sự phát triển ổn định của trẻ, Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] *Về việc cấp dưỡng nuôi con:* Bà D không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông V.

Quyền thăm nom, chăm sóc con chung và các quyền, lợi ích chính đáng liên quan đến việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con được pháp luật ghi nhận và bảo vệ tại các Điều 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà D và ông V đều khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì bà D phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án).

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, bà Võ Thị Hồng D:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Hồng D được ly hôn với ông Lê Quang V.

Về con chung: Bà D và ông V có 02 con chung tên Lê Võ Thiện T – sinh ngày 14/02/2012 và Lê Vũ Anh T – sinh ngày 08/6/2014. Giao 02 con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông V do bà D không có yêu cầu.

Quyền thăm nom chăm sóc con chung và các quyền, lợi ích chính đáng liên quan đến việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con được pháp luật ghi nhận và bảo vệ tại các Điều 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Ông V được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Bà D cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D và ông V khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. *Về án phí:*

Bà Võ Thị Hồng D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm ngàn)* đồng, được cấn trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 *(Ba trăm ngàn)* đồng mà bà D đã nộp theo biên lai số AA/2018/0008579 ngày 02/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. *Quyền kháng cáo:*

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q.Tân Bình;
- THADS Q.Tân Bình;
- UBND xã Hương Chữ, Hương Trà, Thừa Thiên Huế (để ghi vào sổ hộ tịch đối với giấy CNKH số số 72/2011, quyển số 01/2011 ngày 20/9/2011);
- Lưu: VP, hồ sơ.

Bành Kim Phượng